



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022  
đã được soát xét

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD:** 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881  
**Địa chỉ giao dịch:** 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 32

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty: Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên
Ông Đặng Thái	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Văn Thảo Nguyên	Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó tổng Giám đốc
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

**Văn Thanh Liêm**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 9 năm 2022



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây, được lập ngày 14/09/2022, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>984.065.973.143</b>	<b>1.072.287.927.367</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	<b>328.558.379.385</b>	<b>375.641.461.210</b>
1. Tiền	111		198.558.379.385	245.641.461.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	130.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		28.000.000.000	28.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>345.800.433.968</b>	<b>358.834.312.591</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	328.637.608.440	350.443.506.807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.653.410.911	10.974.980.247
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.546.043.517	1.452.454.437
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.036.628.900)	(4.036.628.900)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	<b>278.385.358.134</b>	<b>307.326.701.046</b>
1. Hàng tồn kho	141		278.385.358.134	307.326.701.046
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>3.321.801.656</b>	<b>2.485.452.520</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.272.443.846	732.208.393
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.049.357.810	1.753.244.127
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.065.736.208.552</b>	<b>2.172.962.637.149</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		<b>9.190.440.000</b>	<b>9.190.440.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	9.000.000.000	9.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	190.440.000	190.440.000
II. Tài sản cố định	220		<b>1.554.331.309.454</b>	<b>1.670.143.494.308</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.484.494.247.016	1.599.242.088.456
- Nguyên giá	222		3.878.949.781.234	3.882.560.811.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.394.455.534.218)	(2.283.318.723.407)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	69.837.062.438	70.901.405.852
- Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.237.024.939)	(18.172.681.525)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		<b>14.449.056.910</b>	<b>14.449.056.910</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	14.449.056.910	14.449.056.910
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	<b>347.549.920.035</b>	<b>367.190.034.944</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		325.383.070.035	345.023.184.944
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.166.850.000	22.166.850.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		<b>140.215.482.153</b>	<b>111.989.610.987</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	117.660.196.811	89.264.847.056
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		22.555.285.342	22.724.763.931
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.049.802.181.695</b>	<b>3.245.250.564.516</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.023.560.736.942</b>	<b>1.257.292.011.775</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>901.469.878.965</b>	<b>1.138.456.063.567</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.524.936.097	64.909.656.532
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	19.569.915.203	16.356.376.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	333.387.238.729	453.767.535.035
4. Phải trả người lao động	314		9.773.457.023	10.263.775.542
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.113.907.781	13.702.120.867
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	41.281.168.085	77.500.980.086
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	422.462.575.559	478.193.926.651
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.356.680.488	23.761.692.221
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.090.857.977</b>	<b>118.835.948.208</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	107.784.500.846	107.784.500.846
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	V.18	14.306.357.131	11.051.447.362
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.026.241.444.753</b>	<b>1.987.958.552.741</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>2.026.241.444.753</b>	<b>1.987.958.552.741</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
3. Vốn khác của chủ sở hữu (phụ trợ hợp nhất)	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		498.645.305.720	498.645.305.720
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		266.810.838.620	228.527.946.608
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		228.527.946.608	308.388.909.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		38.282.892.012	(79.860.963.367)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.049.802.181.695</b>	<b>3.245.250.564.516</b>

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiền



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.112.775.910.671	863.902.637.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	72.775.980
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.112.775.910.671	863.829.861.509
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	986.065.790.598	823.843.847.198
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.710.120.073	39.986.014.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	6.143.845.225	1.895.577.096
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	19.930.233.916	28.634.797.606
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.747.577.972	28.401.887.065
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(19.640.114.909)	(21.716.161.904)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	22.237.102.215	33.634.689.696
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	23.294.314.949	25.264.868.539
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.752.199.309	(67.368.926.338)
12. Thu nhập khác	31	VI.9	866.542.037	763.967.561
13. Chi phí khác	32	VI.10	743.990.382	3.129.378
14. Lợi nhuận khác	40		122.551.655	760.838.183
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47.874.750.964	(66.608.088.155)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	6.336.949.183	3.102.200.778
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	3.254.909.769	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.282.892.012	(69.710.288.933)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		38.282.892.012	(69.710.288.933)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.12	437	(796)

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiền

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm



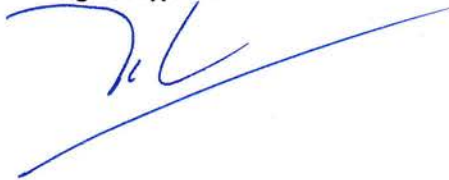
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.874.750.964	(66.608.088.155)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	117.967.555.225	124.385.242.518
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	13.707.589.855	19.933.187.844
- Chi phí lãi vay	06	19.747.577.972	28.401.887.065
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	199.297.474.016	106.112.229.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	12.520.531.555	17.244.962.328
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	29.110.821.501	28.727.018.922
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(124.377.952.149)	(34.611.968.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.935.585.208)	19.568.039.315
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.053.996.649)	(26.983.151.106)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.611.403.273)	(1.406.304.174)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.405.011.733)	(1.121.912.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	45.544.878.060	107.528.913.066
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(4.979.191.361)	(2.438.925.697)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	181.818.182	272.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	6.192.569.886	1.733.260.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.395.196.707	567.062.061
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	316.354.562.672	366.711.933.451
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(372.085.913.764)	(429.677.863.639)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.291.805.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(94.023.156.592)	(62.965.930.188)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(47.083.081.825)	45.130.044.939
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	375.641.461.210	187.761.994.543
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	328.558.379.385	232.892.039.482

Người lập biểu



Hoàng Lan Hương

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiệu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Văn Thanh Liêm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong kỳ, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất sau:

##### Công ty con

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước giải khát) và Dịch vụ nhà hàng; ...	200.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Sản xuất các loại bia	193.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phú Lý	Sản xuất các loại bia	164.383.000.000	100%	100%



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Công ty liên kết**

Tên công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	Sản xuất bình, ca, can, lon bằng kim loại; In bao bì ; ...	560.892.510.000	38,96%	38,96%
Công ty CP Bia Sài Gòn - Long Khánh	Sản xuất các loại bia	198.000.000.000	20,20%	20,20%

**Công ty có các chi nhánh sau:**

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Bình Dương	Khu CN Tân Đông Hiệp B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh	Khu CN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà Máy Bia Sài Gòn – Đồng Tháp	Khu CN Trần Quốc Toàn, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

### Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

## 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	07 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	05 - 07 năm
- Tài sản khác	05 - 10 năm
- Phần mềm máy tính	07 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 49 năm

### 8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1-C  
TẬP ĐOÀN  
BIA SÀI GÒN  
BÌNH TÂY  
CHỖ CHỮ  
KẾ TOÁN



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**21. Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định;
- Chi phí phải trả;
- Các khoản dự phòng.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Hội đồng quản trị đánh giá là hợp lý.

**22. Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Lợi thế thương mại không được ghi nhận cho nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh các công ty cùng dưới sự kiểm soát chung, là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng. Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua và giá trị tài sản thuần của bên bán được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.574.173.303	2.009.150.441
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196.984.206.082	243.632.310.769
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	130.000.000.000	130.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>328.558.379.385</b>	<b>375.641.461.210</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**  
Số 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
	28.000.000.000	28.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>28.000.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn)

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phiếu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	38,96%	21.850.000	284.690.091.357	304.368.854.944
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	20,20%	4.000.000	40.692.978.678	40.654.330.000
<b>Cộng</b>			<b>325.383.070.035</b>	<b>345.023.184.944</b>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Số cổ phiếu	Giá gốc VND	Số cổ phiếu	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực phẩm Trường Sa	100.000	1.500.000.000	100.000	1.500.000.000 (*)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	900.018	9.000.180.000	900.018	9.000.180.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	1.166.667	11.666.670.000	1.166.667	11.666.670.000
<b>Cộng</b>		<b>22.166.850.000</b>		<b>22.166.850.000</b>

Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực phẩm Trường Sa (\*)

(\*) Tại ngày 30/06/2022 và tại ngày 01/01/2022 Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><u>Bên liên quan</u></b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	63.811.411.587	96.189.133.419
<b><u>Bên thứ ba</u></b>		
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	23.224.887.764	23.250.105.264
Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Miền Bắc	18.200.936.978	17.700.571.933
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	10.697.353.151	10.190.263.343
Phải thu khách hàng khác (*)	212.703.018.960	203.113.432.848
<b>Cộng</b>	<b>328.637.608.440</b>	<b>350.443.506.807</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khách hàng nào có số dư chiếm trên 10% trong tổng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b><u>Bên liên quan</u></b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	5.469.248.640	4.830.826.557
<b><u>Bên thứ ba</u></b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Vũ	120.585.760	120.585.760
Công ty KHS Asia	1.567.746.595	1.890.894.560
Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Quản lý chất lượng Công trình 1	-	574.400.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	8.633.745.728	-
Trả trước ngắn hạn khác	2.862.084.188	3.558.273.370
<b>Cộng</b>	<b>18.653.410.911</b>	<b>10.974.980.247</b>

**5. Phải thu khác**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu về BHXH	2.546.043.517	1.452.454.437
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	66.747.844	66.133.094
Tạm ứng	422.630.137	864.493.151
Phải thu khác	648.175.100	177.000.000
	1.408.490.436	344.828.192
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	190.440.000	190.440.000
	190.440.000	190.440.000
<b>Cộng</b>	<b>2.736.483.517</b>	<b>1.642.894.437</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2022			01/01/2022		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Du Lịch Bình Mỹ Sài Gòn	1.177.771.200	-	(1.177.771.200)	1.177.771.200	-	(1.177.771.200)
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Phát triển Du lịch Vista	311.753.800	-	(311.753.800)	311.753.800	-	(311.753.800)
Công ty TNHH MTV Vinh Phú	817.245.800	-	(817.245.800)	817.245.800	-	(817.245.800)
Các đối tượng khác	1.729.858.100	-	(1.729.858.100)	1.729.858.100	-	(1.729.858.100)
<b>Cộng</b>	<b>4.036.628.900</b>	<b>-</b>	<b>(4.036.628.900)</b>	<b>4.036.628.900</b>	<b>-</b>	<b>(4.036.628.900)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.828.449.587	-	142.715.550.070	-
Công cụ, dụng cụ	14.455.567.165	-	49.058.863.274	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.435.431.089	-	57.865.534.969	-
Thành phẩm	80.069.590.480	-	57.251.199.337	-
Hàng hóa	384.295.373	-	256.877.215	-
Hàng gửi đi bán	3.212.024.440	-	178.676.181	-
<b>Cộng</b>	<b>278.385.358.134</b>	<b>-</b>	<b>307.326.701.046</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>2.272.443.846</b>	<b>732.208.393</b>
Chi phí bảo hiểm	126.050.282	359.303.629
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.146.393.564	372.904.764
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>117.660.196.811</b>	<b>89.264.847.056</b>
Bao bì luân chuyển	81.320.538.156	52.428.147.215
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	651.308.736	1.071.955.638
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.031.497.184	578.170.104
Tiền thuê đất (*)	34.639.789.235	35.152.447.109
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.063.500	34.126.990
<b>Cộng</b>	<b>119.932.640.657</b>	<b>89.997.055.449</b>

(\*) Tiền thuê đất tại Nhà máy bia Hoàng Quỳnh được phân bổ trong thời gian 49 năm (bắt đầu từ tháng 11 năm 2004), giá trị còn phân bổ là 13.413.526.722 đồng. Tiền thuê đất tại Đồng Tháp được phân bổ trong thời gian 40 năm (bắt đầu từ tháng 01 năm 2018), giá trị còn phân bổ là 21.226.262.513 đồng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
Số dư đầu năm	836.721.519.113	2.975.185.157.211	64.704.464.497	3.682.871.346	2.266.799.696	3.882.560.811.863	
Số tăng trong kỳ	395.201.178	2.021.532.829	-	-	-	2.416.734.007	
- Mua trong kỳ	323.037.038	1.832.333.333	-	-	-	2.155.370.371	
- Phân loại lại	72.164.140	189.199.496	-	-	-	261.363.636	
Số giảm trong kỳ	-	-	6.027.764.636	-	-	6.027.764.636	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.766.401.000	-	-	5.766.401.000	
- Phân loại lại	-	-	261.363.636	-	-	261.363.636	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>837.116.720.291</b>	<b>2.977.206.690.040</b>	<b>58.676.699.861</b>	<b>3.682.871.346</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>3.878.949.781.234</b>	

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	340.165.864.720	1.891.441.497.242	45.795.822.332	3.648.739.417	2.266.799.696	2.283.318.723.407	
Số tăng trong kỳ	25.858.986.794	89.338.845.791	2.129.055.319	26.280.857	-	117.353.168.761	
- Khấu hao trong kỳ	25.858.986.794	88.888.888.841	2.129.055.319	26.280.857	-	116.903.211.811	
- Phân loại lại	-	449.956.950	-	-	-	449.956.950	
Số giảm trong kỳ	449.956.950	-	5.766.401.000	-	-	6.216.357.950	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	5.766.401.000	-	-	5.766.401.000	
- Phân loại lại	449.956.950	-	-	-	-	449.956.950	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>365.574.894.564</b>	<b>1.980.780.343.033</b>	<b>42.158.476.651</b>	<b>3.675.020.274</b>	<b>2.266.799.696</b>	<b>2.394.455.534.218</b>	

**Giá trị còn lại**

Tại ngày đầu năm	496.555.654.393	1.083.743.659.969	18.908.642.165	34.131.929	-	1.599.242.088.456	
Tại ngày cuối kỳ	<b>471.541.825.727</b>	<b>996.426.347.007</b>	<b>16.518.223.210</b>	<b>7.851.072</b>	<b>-</b>	<b>1.484.494.247.016</b>	

30/06/2022

01/01/2022

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay  
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

1.148.017.453.843

1.025.574.313.829

1.103.954.561.267

787.099.794.519

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>87.114.712.377</b>	<b>1.959.375.000</b>	<b>89.074.087.377</b>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	17.142.919.030	1.029.762.495	18.172.681.525
Khấu hao trong kỳ	880.280.916	184.062.498	1.064.343.414
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>18.023.199.946</b>	<b>1.213.824.993</b>	<b>19.237.024.939</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	69.971.793.347	929.612.505	70.901.405.852
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>69.091.512.431</b>	<b>745.550.007</b>	<b>69.837.062.438</b>

**11. Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	9.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là khoản cho Công ty TNHH Một thành viên Lê Tuấn Vinh vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2021/HĐVT ngày 17/03/2021. Lãi suất cho vay là 8%/năm. Thời hạn vay từ ngày 17/03/2021 đến ngày 17/03/2026.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>14.449.056.910</b>	<b>14.449.056.910</b>
Dự án nhà máy Bia Sagota	9.870.933.820	9.870.933.820
Máy chiết lon	2.320.706.000	2.320.706.000
Nhà kho, giới thiệu sản phẩm	2.117.835.090	2.117.835.090
Các dự án khác	139.582.000	139.582.000
<b>Cộng</b>	<b>14.449.056.910</b>	<b>14.449.056.910</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	5.703.270.472	17.642.125.013
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	20.357.875.370	24.182.935.447
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	4.593.683.813
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	4.212.681.795	1.606.124.001
Công ty TNHH Cơ Nhiệt điện lạnh Bách Khoa	-	3.599.191.361
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	3.740.842.178	3.705.449.162
Phải trả người bán khác	16.510.266.282	9.580.147.735
<b>Cộng</b>	<b>50.524.936.097</b>	<b>64.909.656.532</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư A&B Việt Nam	3.663.063.242	8.186.488.800
Công ty Cổ phần MeKong Brewery	2.050.020.000	-
Công ty Metro J Trading (tương ứng 365,040.00 USD)	8.434.323.100	5.981.470.000
Phonetheb Ja Lorn Xay Trading Sole Co., Ltd (tương ứng 77,733.50 USD)	1.775.740.310	-
Trade Beer Sole Co., Ltd (tương ứng 89,994.50 USD)	2.077.372.950	-
Người mua trả tiền trước khác	1.569.395.601	2.188.417.833
<b>Cộng</b>	<b>19.569.915.203</b>	<b>16.356.376.633</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước**

Phải nộp	01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2022
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
Thuế giá trị gia tăng	60.181.175.896	105.596.567.293	100.906.479.991	64.871.263.198
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	19.333.070	19.333.070	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	387.201.136.614	786.773.821.842	912.784.525.260	261.190.433.196
Thuế xuất, nhập khẩu	-	12.831.764	12.831.764	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.811.403.273	6.336.949.183	6.611.403.273	5.536.949.183
Thuế thu nhập cá nhân	520.582.852	2.989.356.072	3.199.887.090	310.051.834
Thuế tài nguyên	53.236.400	262.840.981	316.077.381	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	3.079.082.795	1.600.541.477	1.478.541.318
Các loại thuế khác	-	2.878.891.802	2.878.891.802	-
<b>Cộng</b>	<b>453.767.535.035</b>	<b>907.949.674.802</b>	<b>1.028.329.971.108</b>	<b>333.387.238.729</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Phải thu	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.554.846	-	-	1.006.554.846
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	19.677.069	19.677.069
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	746.689.281	746.689.281	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	23.125.895	23.125.895
<b>Cộng</b>	<b>1.753.244.127</b>	<b>746.689.281</b>	<b>42.802.964</b>	<b>1.049.357.810</b>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.179.232.876	9.485.651.553
Trích trước chi phí tiền thuê đất 6 tháng đầu năm	1.932.837.326	-
Chi phí phải trả khác	4.001.837.579	4.216.469.314
<b>Cộng</b>	<b>10.113.907.781</b>	<b>13.702.120.867</b>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.088.643.701	1.826.850.195
Cổ tức phải trả	6.203.117.500	44.494.923.000
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	31.709.860.817	29.900.220.817
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.279.546.067	1.278.986.074
<b>Cộng</b>	<b>41.281.168.085</b>	<b>77.500.980.086</b>

18. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	14.306.357.131	11.051.447.362
<b>Cộng</b>	<b>14.306.357.131</b>	<b>11.051.447.362</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2022 VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>478.193.926.651</b>	<b>316.354.562.672</b>	<b>372.085.913.764</b>	<b>422.462.576.559</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (a)	35.186.225.809	138.381.408.562	67.901.203.349	105.666.431.022
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (b)	77.263.856.967	83.342.541.502	77.263.856.967	83.342.541.502
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (c)	97.223.843.875	94.630.612.608	116.510.853.448	75.343.603.035
Công ty CP Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn (bên liên quan) (d)	136.000.000.000	-	26.000.000.000	110.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông đến hạn trả (e)	132.520.000.000	-	84.410.000.000	48.110.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>107.784.500.846</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>107.784.500.846</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đông (e)	107.784.500.846	-	-	107.784.500.846
<b>Cộng</b>	<b>585.978.427.497</b>	<b>316.354.562.672</b>	<b>372.085.913.764</b>	<b>530.247.076.405</b>

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Vietcombank - Chi nhánh Kỳ Đông theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0012/KHDN/19 ngày 27/12/2021 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0012/KHDN/19 ngày 23/08/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/SĐBS-0012/KHDN/19 ngày 27/12/2021. Hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa 06 tháng cho từng khoản nợ vay. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Số dư nợ gốc vay tại 30/06/2022 là 89.344.528.338 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản.
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/CV-0022/KHDN/18NH ngày 27/12/2021. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản. Số dư nợ gốc vay đến ngày 30/06/2022 là 16.321.902.684 đồng.

(b) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 087/2022/HĐHM/CMB ngày 18/04/2022. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản. Số dư nợ gốc vay đến ngày 30/06/2022 là 83.342.541.502 đồng.

(c) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín theo Hợp đồng cấp tín dụng khung số CHCM.HDDN.22.12 ngày 03/03/2022. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hợp đồng này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất và công trình trên đất: 23.120,8 m<sup>2</sup> tại A73/I và A73A/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh; lô đất số A82/I-A83/I-A84/I, đường số 8 KCN Vĩnh Lộc, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM và Dây chuyền máy móc thiết bị của công ty tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM trừ dây chuyền chiết chai (trị giá 106.822.000.000 đồng). Số dư nợ gốc vay đến ngày 30/06/2022 là 75.343.603.035 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

- (d) Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Vận Tải & Giao Nhận Bia Sài Gòn theo Hợp đồng vay tiền số 42/CPVT/2019 ngày 10/10/2019 và hợp đồng số 01/CPVT/2020 ngày 12/03/2020 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 6,5%/năm. Thời hạn cho vay tối đa của mỗi khoản nợ là không quá 6 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Đây là khoản vay tin chấp. Số dư nợ gốc vay đến ngày 30/06/2022 là 110.000.000.000 đồng.
- (e) Vay dài hạn Ngân hàng theo các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0037/KHDN/17DH ngày 05/06/2017. Thời hạn vay 84 tháng. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Trong 12 tháng kể từ ngày Giải ngân vốn vay lần đầu, lãi suất cho vay cố định là 7,5%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm tiền VNĐ có năm hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng công bố trong từng thời điểm cộng với biên độ cố định 1,5%/năm. Số dư nợ gốc vay đến ngày 30/06/2022 là 119.744.500.846 đồng (trong đó Vay dài hạn đến hạn trả là 29.960.000.000 đồng). Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Hợp đồng số 0274/KH/15DH ngày 25/12/2015. Mục đích vay: Đầu tư dự án mở rộng Nhà máy Bia Sài Gòn - Ninh Thuận. Thời gian vay là 84 tháng, thời gian ân hạn tối đa 18 tháng. Lãi suất vay là 6,5%/năm, cố định trong thời hạn vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/06/2022 là 36.150.000.000 đồng (trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 18.150.000.000 đồng).

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Phụ trội hợp nhất	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	352.151.177.975	2.111.581.784.108
Lỗ trong năm trước Chia cổ tức năm 2020					(79.860.963.367) (43.762.268.000)	(79.860.963.367) (43.762.268.000)
Số dư cuối năm trước	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	228.527.946.608	1.987.958.552.741
Số dư đầu năm nay	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	228.527.946.608	1.987.958.552.741
Lãi trong kỳ này					38.282.892.012	38.282.892.012
Số dư cuối kỳ này	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	266.810.838.620	2.026.241.444.753



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2022 VND	%	01/01/2022 VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	143.723.000.000	16,42	143.723.000.000	16,42
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	55.200.000.000	6,31	55.200.000.000	6,31
Vốn góp của cổ đông khác	676.322.360.000	77,27	676.322.360.000	77,27
<b>Cộng</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00</b>	<b>875.245.360.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	875.245.360.000	875.245.360.000
Vốn góp đầu năm	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	875.245.360.000	875.245.360.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.524.536	87.524.536
- Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	87.524.536

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	30/06/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại ( USD )	246.002,40	329.922,00
Nợ khó đòi đã xử lý	3.632.047.000	3.632.047.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	92.705.221.622	120.681.492.964
Doanh thu bán thành phẩm	1.009.026.192.393	735.486.662.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.814.573.449	5.685.240.100
Doanh thu khác	3.229.923.207	2.049.241.526
<b>Cộng</b>	<b>1.112.775.910.671</b>	<b>863.902.637.489</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	710.283.570.218	545.727.840.230
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Hàng bán bị trả lại	-	72.775.980
<b>Cộng</b>	-	72.775.980
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu thuần bán hàng hóa	92.705.221.622	120.705.267.828
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.009.026.192.393	735.390.112.055
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	7.814.573.449	5.685.240.100
Doanh thu thuần khác	3.229.923.207	2.049.241.526
<b>Cộng</b>	<b>1.112.775.910.671</b>	<b>863.829.861.509</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa	78.412.867.457	102.329.382.063
Giá vốn bán thành phẩm	898.687.768.744	713.578.225.025
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.412.108.301	5.793.605.392
Giá vốn khác	1.553.046.096	2.142.634.718
<b>Cộng</b>	<b>986.065.790.598</b>	<b>823.843.847.198</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.200.670.372	160.219.787
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.550.036.500	1.350.027.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	393.138.353	385.330.309
<b>Cộng</b>	<b>6.143.845.225</b>	<b>1.895.577.096</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.747.577.972	28.401.887.065
Lỗ chênh lệch tỷ giá	178.489.544	232.910.541
Chi phí tài chính khác	4.166.400	-
<b>Cộng</b>	<b>19.930.233.916</b>	<b>28.634.797.606</b>

7. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	4.228.277.161	14.359.559.178
Chi phí cho nhân viên	9.584.442.365	14.101.023.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.173.098	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.324.864.204	1.429.402.936
Chi phí bằng tiền khác	6.956.345.387	3.744.704.178
<b>Cộng</b>	<b>22.237.102.215</b>	<b>33.634.689.696</b>

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	48.828.297	364.861.301
Chi phí cho nhân viên	12.981.102.360	15.008.550.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.398.614.435	4.935.321.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.606.871.437	3.264.790.487
Chi phí bằng tiền khác	2.258.898.420	1.691.344.858
<b>Cộng</b>	<b>23.294.314.949</b>	<b>25.264.868.539</b>

9. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	181.818.182	272.727.273
Thu nhập khác	684.723.855	491.240.288
<b>Cộng</b>	<b>866.542.037</b>	<b>763.967.561</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Các khoản phạt	12.233.228	-
Chi phí khác	731.757.154	3.129.378
<b>Cộng</b>	<b>743.990.382</b>	<b>3.129.378</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.336.949.183	3.102.200.778
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.336.949.183</b>	<b>3.102.200.778</b>

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	(16.274.548.845)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(3.254.909.769)</b>	<b>-</b>

**12. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.282.892.012	(69.710.288.933)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.282.892.012	(69.710.288.933)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	87.524.536	87.524.536
<b>Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>437</b>	<b>(796)</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	747.407.310.606	525.437.718.018
Chi phí nhân công	55.195.244.107	61.494.440.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.967.555.225	124.385.242.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.724.818.076	47.211.689.046
Chi phí khác bằng tiền	9.556.751.717	5.595.715.887
<b>Cộng</b>	<b>983.851.679.731</b>	<b>764.124.805.912</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**1. Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Cổ tức phải trả kỳ trước đã trả trong kỳ này	38.291.805.500	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ này	9.485.651.553	9.356.410.978

**2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	316.354.562.672	369.711.933.451

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(372.085.913.764)	(429.677.863.639)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

		Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<b>Thủ lao Thành viên HĐQT</b>			
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	-	-
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên	-	-
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên	-	-
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên	-	-
Ông Đặng Thái	Thành viên	-	-
<b>Thủ lao Thành viên Ban Kiểm soát</b>			
Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên	-	-
<b>Lương, thưởng và khoản phúc lợi khác</b>			
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	480.000.000	452.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	390.000.000	367.250.000
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Những người quản lý khác		3.390.000.000	2.909.500.000

Trong kỳ, ngoài các nghiệp vụ với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, công ty có phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	467.903.476.417
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bao Bì Sài Gòn	Bên liên quan	Mua bao bì	119.536.269.153
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Bên liên quan	Nhận cổ tức	1.800.036.000

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

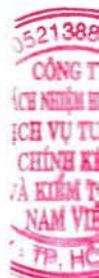
Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất bia nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu trong khu vực địa lý Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được kiểm toán và soát xét.





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/06/2022, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Hoàng Lan Hương

Ngày 14 tháng 9 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiệu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vân Thanh Liêm

